

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thị Minh Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

- Ông Trần Phú Nhuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Tuấn Thảo Uyên - kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ; ngày 22/01/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST -HNGĐ ngày 19/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 194 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Tú M, sinh năm 1969

Địa chỉ: 194 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn - ông Trần Thanh V trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Tú M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số : 44 do UBND phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 /9 /1993.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc. Vợ chồng ông đã ly thân không còn chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay. Từ trước đến nay ông sống vì con, nay các con đã trưởng thành ông nộp đơn xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Huỳnh Thị Tú M.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 09/12/1994 (đã trưởng thành) và Trần Thanh L, sinh ngày 18/6/2003. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Trần Thanh L, sinh ngày 18/6/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Thanh V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn - bà Huỳnh Thị Tú M đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và phiên tòa hôm nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay là đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 44 do UBND phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/1993 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông V yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn - bà M hiện cư trú tại địa chỉ 194 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản

2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông V, Hội đồng xét xử xét thấy :

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông V xác định : Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc. Vợ chồng ông đã ly thân không còn chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay nhưng chờ các con lớn ông mới ly hôn.

Xét thấy lời trình bày của ông V về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng cũng như quá trình vợ chồng sống ly thân đã lâu giữa ông V và bà M là có thật, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và với thực tế.

Mặt khác bà M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, bà M vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của ông V, chứng tỏ bà M không còn tha thiết và quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông V và bà M là lớn, trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn, giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn chung sống đã nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được do đó, yêu cầu ly hôn của ông V đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V.

[2.2] Xét ông V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thanh L, sinh ngày 18/6/2003; Hội đồng xét xử xét thấy tại bản trình bày nguyện vọng trẻ L trình bày hiện nay đang sinh sống với ông bà nội và có nguyện vọng được ở với cha; điều này đã cho thấy hiện nay bà M không có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ L.

Xét lời khai của ông V khai thu nhập của ông là 15.000.000 đồng/ tháng, với mức thu nhập nêu trên ông V có điều kiện về vật chất để chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của trẻ L. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao con chung Trần Thanh L cho ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của ông V giao trẻ Thanh L cho ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với trẻ Trần Thanh D, sinh ngày 09/12/1994 đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông V không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 ; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh V.

Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Thanh V được ly hôn bà Huỳnh Thị Tú M.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 09/12/1994 đã thành niên và Trần Thanh L, sinh ngày 18/6/2003.

Con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 09/12/1994 đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao con chung tên Trần Thanh L, sinh ngày 18/6/2003 cho ông Trần Thanh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà Huỳnh Thị Tú M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: ông Trần Thanh V chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0049953 ngày

22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Thanh V và bà Huỳnh Thị Tú M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Từ Thị Minh Tú**